

Chữa: Cỗ cứng không quay được, bạch cổ sưng, người mệt mỏi.

28. TRỤ CỘT : Chính khe đốt sống cổ C.6—C.7.

Chữa: Đau vùng vai lưng do cảm, cử động khó khăn.

29. TÚC Ý : Huyệt trẻ em.

Kê đốt sống thất lưng D.12 — L.11. Lấy ra hai phía 4 khoát ngón tay.

Chữa: Liệt chi ở trẻ em.

30. TÚ THỂ HỮU : (Phải) điểm giữa của phía trước ở khớp vai.

31. TÚ THỂ TÁ : (Trái) điểm giữa của phía trước ở khớp vai.

Công năng: Hai huyệt cơ bản để trợ sức trước khi dùng huyệt chữa bệnh nhức đầu, ngất.

32. UNG MÔN : (Huyệt trẻ em).

Kê đốt sống thất lưng L.3 — L.4 về hai phía 2 khoát ngón tay.

Công năng: Chữa tê liệt trẻ em dưới 10 tuổi.

C— CÁC VỊ TRÍ HUYỆT NẪM TRÊN CÁNH TAY, BÀN TAY :
(Đốt 1 là đốt có móng)

1. ẤN KHÔ : Dọc theo cơ nhị đầu cánh tay, 4 điểm ấn hoặc móc mạnh và 1 điểm day trên gân bám tận của cơ này sát nếp lằn khuỷu tay.

Chữa: Hen suyễn lạnh (suyễn con nước lên).

2. ẤN LONG : Từ đầu ngoài của nếp lằn khuỷu tay bên phải lên 2 khoát ngón tay.

Chữa: Cảm chấn thương.

3. ẤN SUỐT : Bên trong cơ Đền-ta bên tay phải kể từ xương đòn xuống 4 khoát ngón tay.

Chữa: Không giơ tay cao được.

4. BẠCH LÂM : Nằm trên cổ chỏm khớp xương cánh tay vịn khớp đầu vai.

Công năng: Bấm Bạch Lâm, day Khương Thế làm cho cổ dễ quay qua lại.